

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Đường bộ, Đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng trong công tác sát hạch, cấp Giấy phép lái xe;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 61/TTr-SXD ngày 09/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Đường bộ, Đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây dựng, cấp

nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh:

1. Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

2. Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc thay thế quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

3. Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 về việc thay thế quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

4. Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 20/09/2021 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

5. Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

6. Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 về việc phê duyệt thay thế quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa trong lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

7. Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

8. Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 25/5/2024 về việc phê duyệt thay thế quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

9. Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Đường bộ, Đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

10. Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

11. Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

12. Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

13. Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

14. Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn;

15. Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 25/01/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KTCN, TTTT, TTPVHCC;
- Lưu: VT, TTPVHCC(TTPL).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Xuân Huyền



Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ, ĐĂNG KIỂM THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số 923 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (60 TTHC)

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (49 TTHC)

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
1	1.000703 .000.00.0 0.H37	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc (Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 28/4/2023)	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: http://qlvt.moc.gov.vn	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024
2	2.002286 .000.00.0 0.H37	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc (Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 20/11/2023)			
3	2.002287 .000.00.0 0.H37	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc (2279/QĐ-UBND ngày 28/4/2023)			

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
4	2.002285 .000.00.0 0.H37	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	05 ngày làm việc		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: http://qlvt.mt.gov.vn - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024
5	1.010707 .000.00.0 0.H37	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	02 ngày làm việc				
6	1.002046 .000.00.0 0.H37	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	02 ngày làm việc				
7	1.002286 .000.00.0 0.H37	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	02 ngày làm việc				
8	1.002063 .000.00.0 0.H37	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	02 ngày làm việc				
9	1.001577 .000.00.0 0.H37	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	02 ngày làm việc				

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
10	1.001765 .000.00.0 0.H37	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc (Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 06/11/2020)	Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.langson.gov.vn - Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp. - Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024
11	1.00499 3.000.00. 00.H37	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc (Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 06/11/2020)			
12	1.001751 .000.00.0 0.H37	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc (Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 06/11/2020)			
13	1.001623 .000.00.0 0.H37	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	08 ngày làm việc	06 ngày làm việc (Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 06/11/2020)			
14	1.005210 .000.00.0 0.H37	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc (Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 06/11/2020)			

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
15	2.00228 8.000.00 .00.H37	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	02 ngày làm việc		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: http://qlvt.moc.gov.vn	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024
16	1.00226 8.000.00 .00.H37	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc				
17	1.00286 1.000.00 .00.H37	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc				
18	1.00285 6.000.00 .00.H37	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc				
19	1.00287 7.000.00 .00.H37	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc			- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận và trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích. - Tiếp nhận qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://vnsw.gov.vn/	

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
20	1.0010 23.000. 00.00. H37	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	02 ngày làm việc		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: http://qlvtl.moc.gov.vn	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024
21	1.00177 7.000.00 .00.H37	Cấp giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	10 ngày làm việc		- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.langson.gov.vn	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
22	1.002381.000.00.00.H37	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam	02 ngày làm việc		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trạm Quản lý vận tải cửa khẩu thuộc Sở Xây dựng. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn/	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024
23	1.002374.000.00.00.H37	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc	02 ngày làm việc				
24	2.001034.000.00.00.H37	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	02 ngày làm việc				
25	1.002357.000.00.00.H37	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	02 ngày làm việc				
26	1.001737.000.00.00.H37	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	02 ngày làm việc				

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
27	1.0132 59.000. 00.00. H37	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	05 ngày làm việc		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.langson.gov.vn	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ
28	2.0026 15.000. 00.00. H37	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	05 ngày làm việc				
29	1.0132 60.000. 00.00. H37	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	03 ngày làm việc				
30	2.0026 16.000. 00.00. H37	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	03 ngày làm việc				

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
31	1.0132 61.000. 00.00. H37	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	02 ngày làm việc		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.langson.gov.vn	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ
32	2.0026 17.000. 00.00. H37	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	02 ngày làm việc				
33	1.00233 4.000.00 .00.H37	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	02 ngày làm việc		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trạm Quản lý vận tải cửa khẩu thuộc Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	- Trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn/	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
34	1.0132 74.000. 00.00. H37	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	01 ngày đối với đám tang, 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.	Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
35	1.0027 98.000. 00.00. H37	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	15 ngày làm việc		- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	- Tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.langson.gov.vn	

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
36	1.01327 6.000.00 .00.H37	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	- Trường hợp không phải lấy ý kiến: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đúng quy định. - Trường hợp phải lấy ý kiến: + Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ;		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.langson.gov.vn	Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
37	1.01327 7.000.00 .00.H37	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	+ Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền. + Thời hạn có văn bản chấp thuận: 07 ngày sau khi nhận được ý kiến				

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
38	1.00031 4.000.00 .00.H37	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	07 ngày làm việc		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.langson.gov.vn	Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024
39	2.00192 1.000.00 .00.H37	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	07 ngày làm việc				
40	2.00076 9.000.00 .00.H37	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	03 ngày làm việc		Cơ quan tiếp nhận, thực hiện và trả kết quả: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp.	- Thông tư số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011. - Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
41	1.00066 0.000.00 .00.H37	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc (Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 29 /4/2021)	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp. - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. - Tiếp nhận hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/	Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024
42	1.00067 2.000.00 .00.H37	Công bố lại bến xe khách	08 ngày làm việc				
43	1.00002 8.000.00 .00.H37	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	01 ngày làm việc				-Thông tư số 39/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024
44	1.00104 6.000.00 .00.H37	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	07 ngày làm việc				-Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024
45	1.00106 1.000.00 .00.H37	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc			
46	1.01306 1.000.00 .00.H37	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	07 ngày làm việc	(Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 28/4/2023)			Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
47	1.00802 7.000.00 .00.H37	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	- 02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô;		- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích.	- Luật Du lịch năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017. - Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15/11/2017.
48	1.00802 8.000.00 .00.H37	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	- 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa.				
49	1.00802 9.000.00 .00.H37	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc				

II. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM (11 TTHC)

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	1.013089 .000.00.0 0.H37	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ sở đăng kiểm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024
2	1.013092 .000.00.0 0.H37	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	- Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.			
3	1.013101 .000.00.0 0.H37	Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	- Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến			

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
4	1.013097 .000.00.0 0.H37	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	- Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác. - Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu.	Cơ sở đăng kiểm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
5	1.005103 .000.00.0 0.H37	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định; + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn. - Thời hạn trả kết quả: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.			

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
6	1.013105.000.00.00.H37	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).			
7	1.001322.000.00.00.H37	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	- Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.			
8	1.013110.000.00.00.H37	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ + Cấp giấy chứng nhận : 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn.. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.langson.gov.vn - Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
9	1.001296 .000.00.0 0.H37	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	- Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị. - Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: +Tiếp nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ); + Cấp giấy chứng nhận : 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. - Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn.. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.langson.gov.vn - Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024

Số TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
10	1.013206 .000.00.0 0.H37	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	- Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ theo quy định); - Cấp Giấy chứng nhận: + Trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu. + Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.	Cơ sở đăng kiểm	Trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024
11	1.012875 .000.00.0 0.H37	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	01 ngày làm việc		Trực tiếp	- Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT; - Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT; - Thông tư số 08/2023/TT-BGTVT; - Thông tư số 30/2024/TT-BGTVT; - Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ BỊ BÃI BỎ (13 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
01	2.001002.000.00.00.H37	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	Số thứ tự 01 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn	Quyết định số 222/QĐ- BXD ngày 01/3/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng trong công tác sát hạch, giám Giấy phép lái xe.
02	1.002835.000.00.00.H37	Cấp Giấy phép lái xe	Số thứ tự 02 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	
03	1.002820.000.00.00.H37	Cấp lại Giấy phép lái xe	Số thứ tự 03 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn	
04	1.002809.000.00.00.H37	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Số thứ tự 04 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn	
05	1.002801.000.00.00.H37	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Số thứ tự 05 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn	

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
06	1.002804.000.00.00.H37	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Số thứ tự 06 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn	Quyết định số 222/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng trong công tác sát hạch, giám Giấy phép lái xe.
07	1.002796.000.00.00.H37	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Số thứ tự 07 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn	
08	1.013240.000.00.00.H37	Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	Số thứ tự 01 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn	
09	1.013241.000.00.00.H37	Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	Số thứ tự 02 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn	
10	1.000004.000.00.00.H37	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2	Số thứ tự 15 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn	

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
11	1.004998.000.00.00.H37	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2	Số thứ tự 16 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn	Quyết định số 222/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng trong công tác sát hạch, giám Giấy phép lái xe.
12	1.004995.000.00.00.H37	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3	Số thứ tự 17 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn	
13	1.004987.000.00.00.H37	Cấp lại Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe	Số thứ tự 18 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn	

Phụ lục II
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH VỰC
ĐƯỜNG BỘ, ĐĂNG KIỂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ XÂY DỰNG TỈNH LẠNG SƠN



*Kèm theo Quyết định số 923 /QĐ-UBND ngày 19 /4/2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH
NỘI BỘ TIẾP NHẬN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (40 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ"
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	
3	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	
4	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	
5	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	
6	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	
7	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ"
8	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	
9	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	
10	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	
11	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	
12	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	
13	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
14	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	
15	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ"
16	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
17	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	
18	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào	Thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ"
19	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
20	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	
21	Cấp giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	
22	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	
23	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	
24	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	
25	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	
26	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	
27	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	
28	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	
29	Công bố lại bến xe khách	
30	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	
31	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
32	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	
33	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	
34	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	
35	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	
36	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	
37	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	
38	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	
39	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	
40	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm Phục vụ hành chính công:	TTPVHCC
- Thủ tục hành chính:	TTHC
- Sở Xây dựng:	SXD
- Trung tâm sát hạch:	TTSH
- Vận tải và An toàn giao thông:	VTATGT
- Quản lý hạ tầng xây dựng và Giao thông	QLHTGT
- Công chức, viên chức Một cửa:	CCVCMC

1. Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày làm việc x 8 giờ = 16 giờ

(Thời gian thực hiện theo quy định: 03 ngày làm việc; Thời gian đã cắt giảm: 01 ngày làm việc)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Vận tải và An toàn giao thông.	CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B2	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	01 giờ
B3	Chuyên viên thẩm định hồ sơ: - Nếu hồ sơ đạt kết quả kiểm tra của kỳ thi cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe do Sở GTVT tổ chức: in kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét. - Nếu hồ sơ giáo viên không đạt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng VTATGT	09 giờ
B4	Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	02 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCVCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 giờ
B7	- Trả kết quả cho tổ chức các nhân. - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 giờ

2. Cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày làm việc x 8 giờ = 16 giờ

(Thời gian thực hiện theo quy định: 03 ngày làm việc; Thời gian đã cắt giảm: 01 ngày làm việc)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B2	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	01 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 01 ngày làm việc, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả TTHC).	Chuyên viên Phòng VTATGT	09 giờ
B4	Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCVCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	- Trả kết quả cho tổ chức các nhân. - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 giờ

3. Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày làm việc x 8 giờ = 16 giờ

(Thời gian thực hiện theo quy định: 03 ngày làm việc; Thời gian đã cắt giảm: 01 ngày làm việc)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B2	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	01 giờ
B2	Thẩm định hồ sơ: - Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản theo mẫu quy định, nếu phương tiện đủ điều kiện thì in kết quả TTHC trình lãnh đạo phòng xem xét. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.	Chuyên viên Phòng VTATGT	09 giờ
B3	Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B4	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý:	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B5	Ban hành văn bản điện tử. In kết quả, đóng dấu	Văn thư Sở/CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B6	- Trả kết quả cho tổ chức các nhân. - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 giờ

4. Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 06 ngày làm việc x 8 giờ = 48 giờ

(Thời gian thực hiện theo quy định: 08 ngày làm việc; Thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B2	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	01 giờ
B2	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: tham mưu thành lập đoàn kiểm tra	Chuyên viên Phòng VTATGT	05 giờ
B4	Trình lãnh đạo Sở ký Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B5	Ký Quyết định thành lập đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B6	- Tổ chức kiểm tra theo quy định đối với cơ sở đào tạo và lập biên bản kiểm tra. - Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do	Đoàn kiểm tra và Phòng VTATGT	32 giờ
B7	Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B8	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý:	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B9	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCVCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 giờ
B10	- Trả kết quả cho tổ chức các nhân. - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			48 giờ

5. Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày làm việc x 8 giờ = 16 giờ

(Thời gian thực hiện theo quy định: 03 ngày làm việc; Thời gian đã cắt giảm: 01 ngày làm việc).

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B2	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	01 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 01 ngày làm việc, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả TTHC).	Chuyên viên Phòng VTATGT	09 giờ
B4	Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B6	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCVCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	01 giờ
B7	- Trả kết quả cho tổ chức các nhân. - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 giờ

6. Cấp giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc x 8 giờ = 80 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B2	Phân công chuyên viên xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	03 giờ
B2	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: tham mưu thành lập đoàn kiểm tra	Chuyên viên Phòng VTATGT	16 giờ
B3	Trình lãnh đạo Sở ký Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Phòng VTATGT	03 giờ
B4	Ký Quyết định thành lập đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Sở	03 giờ
B5	- Tổ chức kiểm tra theo quy định đối với cơ sở đào tạo và lập biên bản kiểm tra - Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do	Đoàn kiểm tra và Phòng VTATGT	32 giờ
B6	Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	03 giờ
B7	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý:	Lãnh đạo Sở	03 giờ
B8	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCVCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	02 giờ
B9	- Trường hợp cơ sở đào tạo đã được cấp giấy phép đào tạo thì thực hiện việc cấp giấy phép xe tập lái - Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do	Chuyên viên Phòng VTATGT	08 giờ
B10	Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của	Lãnh đạo Phòng	02 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	VTATGT	
B11	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B12	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCVCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	02 giờ
B13	- Trả kết quả cho tổ chức các nhân. - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			80 giờ

7. Nhóm 12 TTHC gồm:

7.1. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới

7.2. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS

7.3. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào (*thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ"*)

7.4. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (*thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ"*)

7.5. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (*thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ"*)

7.6. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

7.7. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

7.8. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào

7.9. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (*thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ"*)

7.10. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (*thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ"*)

7.11. Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải (*thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ"*)

7.12. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng (*thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ"*)

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 02 ngày làm việc x 8 giờ = 16 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng VTATGT.	CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B2	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 01 ngày làm việc, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả TTHC).	Chuyên viên Phòng VTATGT	08 giờ
B3	Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	03 giờ
B4	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	03 giờ
B5	Trường hợp thông thường: Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCVCMC	Văn thư Sở	01 giờ
	Trường hợp “4 tại chỗ”: Ban hành văn bản điện tử. In kết quả, đóng dấu	Văn thư Sở/CCVCMC tại TTPVHCC	
B6	- Trả kết quả cho tổ chức các nhân. - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 giờ

8. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ (thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ")

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 2,5 ngày làm việc x 8 giờ = 20 giờ

(Thời gian thực hiện theo quy định: 05 ngày làm việc; Thời gian đã cắt giảm: 2,5 ngày làm việc)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử.	CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	- Chuyển hồ sơ cho Phòng VTATGT.		
B2	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 01 ngày làm việc, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả TTHC).	Chuyên viên Phòng VTATGT	12 giờ
B3	Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	03 giờ
B4	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý:	Lãnh đạo Sở	03 giờ
B5	Ban hành văn bản điện tử. In kết quả, đóng dấu	Văn thư Sở/CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B6	- Trả kết quả cho tổ chức các nhân. - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			20 giờ

9. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi (thực hiện theo cơ chế "4 tại chỗ")

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 8 giờ = 24 giờ

(Thời gian thực hiện theo quy định: 05 ngày làm việc; Thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng VTATGT.	CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B2	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn	Chuyên viên Phòng VTATGT	16 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	01 ngày làm việc, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả TTHC).		
B3	Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	03 giờ
B4	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	03 giờ
B5	Ban hành văn bản điện tử. In kết quả, đóng dấu	Văn thư Sở/CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B6	- Trả kết quả cho tổ chức các nhân. - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			24 giờ

10. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 05 ngày làm việc x 8 giờ = 40 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Phòng VTATGT.	CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B2	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày làm việc, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi được phân công thụ lý, trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, đơn vị kinh doanh vận tải không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thực hiện rà soát và gửi văn bản lấy ý kiến	Chuyên viên Phòng VTATGT	18 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	thống nhất trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải với Sở đầu tuyển bên kia trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.		
B3	Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải đầu tuyển bên kia có trách nhiệm trả lời bằng văn trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải về việc đồng ý hoặc không đồng ý (nêu rõ lý do). Trường hợp Sở Giao thông vận tải đầu tuyển bên kia không có văn bản trả lời thì hệ thống sẽ tự động chuyển sang trạng thái đã đồng ý.	Sở GTVT đầu tuyển bên kia	16 giờ
B4	Sau khi có ý kiến xác nhận đồng ý của Sở Giao thông vận tải đầu tuyển bên kia, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (kết quả TTHC) trình lãnh đạo phòng.	Chuyên viên Phòng VTATGT	01 giờ
B5	Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	01 giờ
B6	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B7	Trường hợp thông thường: Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCVCMC	Văn thư Sở	01 giờ
	Trường hợp “4 tại chỗ”: Ban hành văn bản điện tử. In kết quả, đóng dấu	Văn thư Sở/CCVCMC tại TTPVHCC	
B8	- Trả kết quả cho tổ chức các nhân. - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			40 giờ

11. Công bố bến xe khách vào khai thác

Tổng thời gian thực hiện: 10 ngày làm việc x 8 giờ = 80 giờ

(Thời gian thực hiện theo quy định: 15 ngày làm việc; Thời gian đã cắt giảm: 05 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, vào sổ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Vận tải và An toàn giao thông xử lý.	CCVCMC của Sở tại TTPVHCC	02 giờ
B2	Xem xét hồ sơ, chuẩn bị kiểm tra	Phòng VTATGT	40 giờ
B3	Tổ chức kiểm tra	Phòng VTATGT	08 giờ
B4	Trường hợp bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn: Ghi rõ các tiêu chí không đạt yêu cầu trong biên bản kiểm tra. Xây dựng văn bản thông báo cho đơn vị khai thác bến xe khách trình lãnh đạo phòng VTATGT xét duyệt.	CV Phòng VTATGT,	16 giờ
	Trường hợp bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn: Dự thảo quyết định công bố trình lãnh đạo phòng VTATGT xét duyệt.		
B5	Lãnh đạo phòng kiểm tra lại các thông tin trên văn bản thông báo hoặc trên Dự thảo quyết định công bố nếu còn sai sót yêu cầu CV chỉnh lý lại, nếu đúng, đủ theo quy định trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	08 giờ
B5	Xem xét phê duyệt văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở GTVT	04 giờ
B7	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCVCMC tại TTPVHCC	Văn thư	02 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian			80 giờ

12. Công bố lại bến xe khách

Tổng thời gian thực hiện: 08 ngày làm việc x 8 giờ = 64 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, vào sổ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Vận tải và An toàn giao thông xử lý.	CCVCMC tại TTPVHCC	02 giờ
B2	Xem xét hồ sơ, chuẩn bị kiểm tra	Phòng VTATGT	28 giờ
B3	Tổ chức kiểm tra	Phòng VTATGT	08 giờ
B4	Trường hợp bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn: Ghi rõ các tiêu chí không đạt yêu cầu trong biên bản kiểm tra. Xây dựng văn bản thông báo cho đơn vị khai thác bến xe khách trình lãnh đạo phòng VTATGT xét duyệt.	CV Phòng VTATGT	16 giờ
	Trường hợp bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn: Dự thảo quyết định công bố trình lãnh đạo phòng VTATGT xét duyệt.		
B5	Lãnh đạo phòng kiểm tra lại các thông tin trên văn bản thông báo hoặc trên Dự thảo quyết định công bố nếu còn sai sót yêu cầu CV chỉnh lý lại, nếu đúng, đủ theo quy định trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	04 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Xem xét phê duyệt văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở GTVT	04 giờ
B7	Đóng dấu, chuyển văn bản xử lý cho CCVCMC tại TTPVHCC	Văn thư	02 giờ
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân; Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian			64 giờ

13. Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 01 ngày làm việc x 08 giờ = 8 giờ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả khi đầy đủ hồ sơ. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý hạ tầng xây dựng và Giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	01 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	01 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ. Xây dựng dự thảo văn bản kết quả giải quyết.	Chuyên viên Phòng QLHTGT	03 giờ
B4	- Xem xét hồ sơ của chuyên viên trình. - Trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	01 giờ
B5	Xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 giờ
B6	Vào sổ văn bản, đóng dấu	Văn thư Sở	01 giờ
B7	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			08 giờ

14. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả khi đầy đủ thành phần hồ sơ. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý hạ tầng xây dựng và Giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ. Xây dựng dự thảo văn bản kết quả giải quyết.	Chuyên viên Phòng QLHTGT	24 giờ
B4	- Xem xét hồ sơ của chuyên viên trình. - Trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	08 giờ
B5	Xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	08 giờ
B6	Vào sổ văn bản, đóng dấu	Văn thư Sở	04 giờ
B7	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
Tổng thời gian thực hiện			56 giờ

15. Nhóm 02 TTHC, gồm:

15.1. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác

15.2. Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ

(Thời gian thực hiện theo quy định: 07 ngày làm việc; Thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý hạ tầng xây dựng và Giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ. Xây dựng dự thảo văn bản kết quả giải quyết.	Chuyên viên Phòng QLHTGT	16 giờ
B4	- Xem xét hồ sơ của chuyên viên trình. - Trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	08 giờ
B5	Xem xét ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	04 giờ
B6	Vào sổ văn bản, đóng dấu	Văn thư Sở	04 giờ
B7	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			40 giờ

16. Nhóm 2 TTHC

16.1. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

16.2. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 23 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển hồ sơ cho Phòng Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng	0,5 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ, thông báo tiếp nhận hồ sơ, thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế, chuẩn bị kiểm tra	Chuyên viên VTATGT	1,5 ngày
B4	Tổ chức kiểm tra	Phòng VTATGT	15 ngày
B5	Trường hợp kiểm tra, đánh giá thực tế đạt	Chuyên viên	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	yêu cầu. Xây dựng văn bản Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trình lãnh đạo phòng xét duyệt.	VTATGT	
	Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu Việc khắc phục và kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn quy định ¹ : kể từ ngày thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, để tiếp tục, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu. Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải gửi văn bản đề nghị theo mẫu tới Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện các bước kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận (theo các bước nêu trên).	Cơ sở đăng kiểm thực hiện khắc phục và phòng VTATGT thực hiện kiểm tra	Thời gian khắc phục không tính vào thời gian giải quyết TTHC
B6	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng	01 ngày
B7	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	3/4 ngày (6 giờ)
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	1/4 ngày (02 giờ)
B9	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức - Thống kê, theo dõi	CCVCMC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			23 ngày làm việc

¹ TTHC số 1.1 thời hạn 03 tháng; TTHC số 1.2. thời hạn là 06 tháng

17. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

176.1. Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính:

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển hồ sơ cho Phòng Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ. Xây dựng dự thảo văn bản kết quả giải quyết.	Chuyên viên Phòng VTATGT	20 giờ
B4	- Xem xét hồ sơ của chuyên viên trình. - Trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	08 giờ
B5	Xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B6	Vào sổ văn bản, đóng dấu	Văn thư Sở	02 giờ
B7	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			40 giờ

17.2. Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 23 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển hồ sơ cho Phòng Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	0,5 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ, thông báo tiếp nhận hồ sơ, thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế chuẩn bị kiểm tra	Chuyên viên Phòng VTATGT	1,5 ngày
B4	Tổ chức kiểm tra	Phòng VTATGT	15 ngày
B5	Trường hợp kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. Xây dựng văn bản Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trình lãnh đạo phòng VTATGT xét duyệt.	Chuyên viên Phòng VTATGT	03 ngày
	Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu + Việc khắc phục và kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, đề tiếp tục, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu; + Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải gửi văn bản đề nghị theo mẫu tới Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện các bước kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận (theo các bước nêu trên). Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt yêu cầu, nêu rõ lý do không đạt và kết luận cơ sở kiểm định khí thải không đủ điều kiện hoạt động, dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Cơ sở đăng kiểm thực hiện khắc phục và phòng VTATGT thực hiện kiểm tra	Thời gian khắc phục không tính vào thời gian giải quyết TTHC
B6	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B7	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	3/4 ngày (6 giờ)
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	1/4 ngày (02 giờ)
B9	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức - Thống kê, theo dõi	CCVCMC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			23 ngày làm việc

18. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

18.1. Trường hợp Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới do Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyên kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyên kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động:

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ làm việc)
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển hồ sơ cho Phòng Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ. Xây dựng dự thảo văn bản kết quả giải quyết.	Chuyên viên Phòng VTATGT	16 giờ
B4	- Xem xét hồ sơ của chuyên viên trình. - Trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	08 giờ
B5	Xem xét ký duyệt	Lãnh đạo Sở	06 giờ
B6	Vào sổ văn bản, đóng dấu	Văn thư Sở	02 giờ
B7	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			40 giờ

18.2. Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới:

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 23 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	- Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển hồ sơ cho Phòng Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	0,5 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ, thông báo tiếp nhận hồ sơ, thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế chuẩn bị kiểm tra	Chuyên viên Phòng VTATGT	1,5 ngày
B4	Tổ chức kiểm tra	Phòng VTATGT	15 ngày
B5	Trường hợp kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. Xây dựng văn bản Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy trình lãnh đạo phòng VTATGT xét duyệt.	Chuyên viên Phòng VTATGT	03 ngày
	Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu: + Việc khắc phục các nội dung không đạt và việc kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu; + Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới gửi văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá lại đến Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận (theo các bước nêu trên). Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá	Cơ sở đăng kiểm thực hiện khắc phục và phòng VTATGT thực hiện kiểm tra	Thời gian khắc phục không tính vào thời gian giải quyết TTHC

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
	lại không đạt yêu cầu, kết luận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới không đủ điều kiện hoạt động đồng thời dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.		
B6	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	01 ngày
B7	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	3/4 ngày (6 giờ)
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCMC tại TTPVHCC	Văn thư Sở	1/4 ngày (02 giờ)
B9	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức - Thống kê, theo dõi	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			23 ngày làm việc

19. Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.

a) Đối với đám tang.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 01 ngày làm việc x 08 giờ = 08 giờ.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý hạ tầng xây dựng và Giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	01 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 02 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong	Chuyên viên Phòng QLHTGT	02 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	thời hạn không quá 02 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).		
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	01 giờ
B5	Xem xét phê duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	01 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCVCMC	Văn thư Sở	01 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thông kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			08 giờ

b) Đối với các trường hợp khác (ngoài trường hợp a nêu trên)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: **05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ**

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý hạ tầng xây dựng và Giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).	Chuyên viên Phòng QLHTGT	14 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	08 giờ
B5	Xem xét phê duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	08 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCVCMC	Văn thư Sở/BPMC	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			40 giờ

20. Nhóm 02 TTHC gồm:

20.1. Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc.

20.2. Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch.

a) Đối với trường hợp không phải lấy ý kiến

Tổng thời gian thực hiện TTHC: **07 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ**

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý hạ tầng xây dựng và Giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 16 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 16 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).	Chuyên viên Phòng QLHTGT	30 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	08 giờ
B5	Xem xét phê duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	08 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCVCMC	Văn thư Sở/BPMC	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			56 giờ

a) Đối với trường hợp phải lấy ý kiến

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 16 ngày làm việc x 08 giờ = 128 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý hạ tầng xây dựng và Giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 08 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 08 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản xin ý kiến.	Chuyên viên Phòng QLHTGT	16 giờ
B4	Tổng hợp các ý kiến của các cơ quan, tổ chức	Chuyên viên Phòng QLHTGT	56 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).	Chuyên viên Phòng QLHTGT	30 giờ
B6	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	08 giờ
B7	Xem xét phê duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	08 giờ
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCVCMC	Văn thư Sở/BPMC	02 giờ
B9	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			128 giờ

21. Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: **15 ngày làm việc x 08 giờ = 120 giờ.**

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý hạ tầng xây dựng và Giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 24 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi được phân công thụ lý.	Chuyên viên Phòng QLHTGT	98 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).		
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	04 giờ
B5	Xem xét phê duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	08 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCVCMC	Văn thư Sở	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			120 giờ

22. Nhóm 02 TTHC gồm:

22.1. Chấp thuận vị trí đầu nổi tạm vào đường bộ đang khai thác.

22.2. Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: **07 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ**

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý hạ tầng xây dựng và Giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	04 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 16 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung	Chuyên viên Phòng QLHTGT	30 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 16 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).		
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLHTGT	08 giờ
B5	Xem xét phê duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	08 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho Công chức TN&TKQ	Văn thư Sở/BPMC	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			56 giờ

23. Nhóm gồm 02 TTHC:

23.1. Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch.

23.2. Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch.

*** Đối với phương tiện là xe ô tô:** tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày làm việc x 08 giờ = 16 giờ.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng VTATGT	01 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ kể từ khi được phân	Chuyên viên Phòng VTATGT	06 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).		
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCVCMC	Văn thư Sở	01 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 giờ

* *Đối với phương tiện thủy nội địa*: tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc x 08 giờ = 56 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 16 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 16 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).	Chuyên viên Phòng VTATGT	40 giờ
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	04 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	04 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCVCMC	Văn thư Sở	02 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			56 giờ

24. Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày làm việc x 08 giờ = 16 giờ.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng Vận tải và An toàn giao thông	CCVCMC tại TTPVHCC	04 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	01 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 06 giờ kể từ khi được phân công thụ lý. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết).	Chuyên viên Phòng VTATGT	06 giờ
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho CCVCMC	Văn thư Sở	01 giờ
B7	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 giờ

Phụ lục III
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH LẠNG SƠN



*Quyết định số: 923 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH
NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (06 TTHC)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	- UBND tỉnh; - Sở Xây dựng.
2	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	
3	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	
4	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	
5	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	
6	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm Phục vụ hành chính công:	TTPVHCC
- Thủ tục hành chính:	TTHC
- Công chức, viên chức Một cửa:	CCVCMC
- Vận tải và An toàn giao thông:	VTATGT
- Ủy ban nhân dân:	UBND

1. Nhóm 02 TTHC gồm:

1.1. Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ

1.2. Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc x 08 giờ = 40 giờ.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng VTATGT	CCVCMC tại TTPVHCC	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ; xây dựng Tờ trình của Sở Xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh, (dự thảo văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh).	Chuyên viên Phòng VTATGT	10 giờ
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	4 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	4 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển Tờ trình gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở	02 giờ
B7	Xem xét, phê duyệt; chuyển kết quả đến CCVCMC của Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	16 giờ

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			40 giờ

2. Nhóm 02 TTHC gồm:

2.1. Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép

2.2. Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng VTATGT	CCVCMC tại TTPVHCC	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ; xây dựng Tờ trình của Sở Xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh, (dự thảo văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh).	Chuyên viên Phòng VTATGT	5 giờ
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	2 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	4 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển Tờ trình gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở	01 giờ
B7	Xem xét, phê duyệt; chuyển kết quả đến CCVCMC của Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ
B8	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			24 giờ

3. Nhóm 02 TTHC gồm:

3.1. Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ

3.2. Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày làm việc x 08 giờ = 16 giờ.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho Phòng VTATGT	CCVCMC tại TTPVHCC	02 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng VTATGT	01 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ; xây dựng Tờ trình của Sở Xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh, (dự thảo văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh).	Chuyên viên Phòng VTATGT	02 giờ
B4	Xem xét, xử lý văn bản của chuyên viên trình, trình lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng VTATGT	02 giờ
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	02 giờ
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển Tờ trình gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở	01 giờ
B7	Xem xét, phê duyệt; chuyển kết quả đến CCVCMC của Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	06 giờ
B8	- Trả kết quả giải quyết. - Thống kê, theo dõi.	CCVCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
Tổng thời gian thực hiện			16 giờ